

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/DS-PT
Ngày: 08/4/2024
V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Bế Chiến

Các Thẩm phán: Bà Doanh Thị Mây

Ông Ngôn Ngọc Viên

Thư ký phiên tòa: Ông Nông Hữu Duy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2023/TLPT-DS ngày 13/11/2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh bị kháng cáo,

Theo quyết định hoãn phiên tòa số: 47b/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Sầm Văn C, sinh năm 1979; có mặt.

Bà Bé Thị V, sinh năm 1984; có mặt.

Cùng địa chỉ: xóm T, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn: Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1958; có mặt.

Bà Trương Thị R, sinh năm 1958; có mặt.

Cùng địa chỉ: xóm T, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Hoàng Văn L: Ông Hoàng Văn L1, sinh năm 1982; Địa chỉ: xóm T, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Hà Thị C1 Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C; có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lý Văn K, sinh năm 1986; Địa chỉ: xóm T, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- Bà Nông Thị T và Ông Ma Văn T1; Địa chỉ: xóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Bà T có mặt, ông T1 vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của ông T1: Bà Nông Thị T.

Người làm chứng:

- Ông Long Văn T2, sinh năm 1972; vắng mặt.

- Ông Hoàng Văn L2, sinh năm 1968; vắng mặt.

- Bà Hoàng Thị T3, sinh năm 1985; vắng mặt.

- Ông Lý Văn M, sinh năm 1972; có mặt.

- Bà Trương Thị N, sinh năm 1946; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: xóm T, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

- Ông Nông Văn H, sinh năm 1971; vắng mặt.

- Ông Nông Xuân T4, sinh năm 1965; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: xóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Hoàng Văn L, Trương Thị R.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 12 năm 2022 nộp tại Tòa án ngày 20 tháng 12 năm 2022, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Sầm Văn C và bà Bé Thị V trình bày:

Gia đình ông bà được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 906, tờ bản đồ số 01 có diện tích 13.539,7 m², mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất, tọa lạc tại xóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Ông bà đã canh tác trên thửa đất này (trồng cây hồi) từ năm 1970 đến nay. Cho tới ngày 05/02/2022, khi bà V lên đất chăm sóc cây trên đất thì bị bà Trương Thị R, là vợ của ông Hoàng Văn L cản trở, đe dọa và yêu cầu bà V phải chặt phá cây để gia đình ông L bà R sử dụng vì gia đình ông L, bà R cho rằng có một phần diện tích đất (hơn 2000 m²) nằm trong thửa đất 906, tờ bản đồ số 01 là của gia đình nhà ông L, bà R. Trước đó vào ngày 29/5/2020, ông Hoàng Văn L đã từng chặt phá rừng cây của gia đình ông C, bà V, thiệt hại khoảng 10.000.000 đồng. Gia đình ông C, bà V đã làm đơn yêu cầu xã giải quyết nhưng phía ông L, bà R vẫn có hành vi ngăn cản. Do đó, nguyên đơn đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất tranh chấp theo kết quả thẩm định là 2.209,9 m² nằm trong thửa đất số 906, tờ bản đồ số 01, diện tích 13.539,7 m² thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông C, bà V và yêu cầu ông L, bà R ngừng lấn chiếm đất của gia đình ông bà.

Ngoài ra, ông C và bà V yêu cầu gia đình ông L, bà R bồi thường thiệt hại về cây cối đã chặt cho gia đình số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Bị đơn bà Trương Thị R, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hoàng Văn L – ông Hoàng Văn L1 trình bày: Gia đình của bà R, ông L có một đám rẫy ở P, xóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Đám rẫy này đã được bố mẹ của ông L bà R canh tác, sử dụng từ năm 1955, đến năm 1968 thì ông bà đã đào hào xung quanh đất. Năm 1976 ông L đi bộ đội, năm 1981 ông L ra quân, gia đình ông bà vẫn canh tác trên đất. Đến năm 1986, do mẹ già con nhỏ nên đã tạm bỏ không sử dụng đất nhưng vẫn lên phát cỏ thường xuyên. Đến lúc có tranh chấp giữa gia đình ông C bà V và gia đình ông T1, có đoàn đo đạc tới, gia đình có đi chỉ nhưng sau đó, ông C bà V và ông T1 giải quyết xong không hiểu sao phía ông C bà V lại kê khai thửa đất của gia đình ông L bà R để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cho rằng phía ông L bà R tranh chấp đất. Gia đình ông L bà R cũng không được chặt cây của gia đình nguyên đơn mà chỉ chặt cây trên đất của mình. Do đó, gia đình ông L bà R không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị T trình bày: Bà là vợ của ông Ma Văn T1, có thửa đất giáp ranh với đất của ông C, bà V. Năm 2010 có phát sinh tranh chấp thửa đất này với gia đình ông C bà V và đã thỏa thuận giải quyết vào năm 2021. Gia đình ông C, bà V đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại buổi thẩm định mà Tòa án tiến hành vào ngày 29/3/2023 bà có được chứng kiến quá trình đo đạc và xác nhận ranh giới phía nguyên đơn và bị đơn xác định không ảnh hưởng đến diện tích đất của gia đình bà. Do không ảnh hưởng đến quyền lợi nên bà T xin không tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn K trình bày: Theo thực tế sử dụng thì bố ông là Lý Văn N1 có thửa đất giáp ranh với phần đất đang tranh chấp giữa ông C, bà V và ông L bà R. Tại buổi thẩm định mà Tòa án tiến hành vào ngày 29/3/2023 ông có được chứng kiến quá trình đo đạc và xác nhận ranh giới phía nguyên đơn và bị đơn xác định không ảnh hưởng đến diện tích đất của gia đình ông. Do không ảnh hưởng đến quyền lợi nên ông K xin không tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Những người làm chứng Long Văn T2, Hoàng Văn L2, Hoàng Thị T3 đều xác nhận có thấy gia đình ông C bà V quản lý, sử dụng trồng cây trên đất tranh chấp và hiện nay gia đình ông C bà V vẫn đang quản lý và sử dụng.

Người làm chứng ông Nông Văn H trình bày: Ông không có quan hệ gì với hai gia đình đang tranh chấp. Về nguồn gốc đất tranh chấp là của ai ông không biết, nhưng khoảng những năm 1981, khi ông 10 tuổi, ông có thấy mẹ của ông L

canh tác trên thửa đất đang tranh chấp. Sau năm 1997, ông không ở địa phương đến năm 2013 khi ông trở về thì được biết giữa hai gia đình ông C và gia đình ông T1 đang tranh chấp, đến năm 2021 mới giải quyết xong thì lại xảy ra tranh chấp giữa gia đình ông C và gia đình ông L. Hiện tại trên đất không có ai canh tác. Do ông đã trình bày hết những sự việc mà ông biết và do đường xá đi lại khó khăn nên ông đề nghị không tham gia tố tụng trong vụ án này.

Người làm chứng ông Nông Xuân T4 trình bày: Ông không có quan hệ gì với hai gia đình đang tranh chấp. Về nguồn gốc đất tranh chấp là của mẹ ông L lên khai hoang, sau đó đến khoảng năm 1979 - 1980 thì bỏ đất, không sử dụng. Đến năm 1985 ông không có mặt tại địa phương nên không nắm được sự việc. Đến khi ông trở về địa phương thì thấy hai gia đình ông C và gia đình ông T1 đang tranh chấp. Sau khi sự việc tranh chấp giữa hai gia đình ông C và ông T1 được giải quyết thì lại xảy ra tranh chấp giữa gia đình ông C và gia đình ông L. Hiện tại trên đất không có ai canh tác. Do ông đã trình bày hết những sự việc mà ông biết và do đường xá đi lại khó khăn nên ông đề nghị không tham gia tố tụng trong vụ án này.

Người làm chứng ông Lý Văn M trình bày: Ông không có quan hệ gì, chỉ là người cùng làng với hai gia đình đang tranh chấp. Về nguồn gốc đất tranh chấp ông không rõ đất là của ai nhưng từ nhỏ, khoảng những năm 1981 - 1982 khi ông khoảng 9 - 10 tuổi đi chăn trâu thì thấy mẹ của ông L canh tác. Đến năm 1991, ông đi bộ đội thấy gia đình bỏ đất không sử dụng và trên đất cũng không có ai trồng gì. Đến năm 1993, ông đi bộ đội về vẫn thấy trên đất chưa trồng gì, sau đó mảnh đất này có bị cháy 2 - 3 lần, lúc đó thấy ông Sầm Văn B (bố của ông Sầm Văn C) lên lấy củi trên đất, khoan đất để và sau đó xảy ra tranh chấp. Hiện tại trên đất không có ai canh tác. Do ông đã trình bày hết những sự việc mà ông biết và do đường xá đi lại khó khăn nên ông đề nghị không tham gia tố tụng trong vụ án này.

Người làm chứng Trương Thị N trình bày: Bà không có quan hệ gì, chỉ là người cùng làng với hai gia đình đang tranh chấp. Về nguồn gốc đất tranh chấp, theo bà được biết là do bố mẹ ông L khai phá và sử dụng. Có một thời gian do con nhỏ nên gia đình ông L, bà R bỏ đất, không sử dụng nhưng vẫn lên phát cỏ thường xuyên. Sau đó xảy ra tranh chấp, thời gian cụ thể bà không nhớ rõ. Hiện tại trên đất không có ai canh tác. Do ông đã trình bày hết những sự việc mà ông biết và do đường xá đi lại khó khăn nên ông đề nghị không tham gia tố tụng trong vụ án này.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ theo đơn yêu cầu của nguyên đơn. Kết quả như sau:

Về vấn đề tách thửa: Phía ông C, bà V đã có thỏa thuận về quyền quản lý sử dụng đất với ông Ma Văn T1, bà Nông Thị T đối với thửa số 844, tờ bản đồ số 01 tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 05/2021/QĐST-DS ngày 23/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Sau đó, ông C bà V làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đã được thỏa thuận thuộc quyền sử dụng của ông bà và phần diện tích này được tách thành thửa số 906, tờ bản đồ số 01, với diện tích 13.539,7 m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Sâm Văn C và bà Bé Thị V.

Về diện tích tranh chấp: Có diện tích 2.209,9 m², và được xác định nằm trong thửa 906, tờ bản đồ 01, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Sâm Văn C và bà Bé Thị V.

Từ cận tiếp giáp của diện tích tranh chấp: Phía Bắc, N2, T5 giáp các phần còn lại của thửa đất 906, tờ bản đồ số 01; Phía Đông giáp với thửa đất của ông Ma Văn T1 và bà Nông Thị T. Hiện trạng đất: Đất rừng, có nhiều cây tạp lâu năm.

Hai bên đương sự nhất trí với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Hội đồng thẩm định. Ngoài ra, phía nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi với khoản tiền bồi thường thiệt hại về cây cối với số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Theo công văn số 245/VBPĐKĐĐ ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Văn phòng Đ chi nhánh T6 khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 906, tờ bản đồ số 01 là đúng theo quy định của pháp luật. Căn cứ đề cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Theo khoản 3, Điều 100 Luật Đất đai 2013. Việc đo đạc thực địa thửa đất được Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh T6 phối hợp cùng các cơ quan liên quan thực hiện trong quá trình giải quyết tranh chấp đất đai của Tòa án nhân dân tỉnh.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn xác định không có tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất tranh chấp (2.209,9 m²) trong thửa đất số 906, tờ bản đồ số 01, diện tích 13.539,7 m² thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông C, bà V và yêu cầu ông L, bà R ngừng lấn chiếm đất của gia đình ông bà; rút yêu cầu đòi với khoản tiền bồi thường thiệt hại về cây cối với số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Bị đơn xác định không có tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm và không nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất tranh chấp (2.209,9 m²) trong thửa đất 906, tờ bản đồ số 01, diện tích 13.539,7 m² thuộc quyền quản lý, sử dụng của

ông C, bà V và yêu cầu ông L, bà R ngừng lấn chiếm đất của gia đình ông bà; nhất trí với việc rút yêu cầu đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại về cây cối với số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các Điều 5, 9, Điều 26, Điều 99, Điều 100, Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Các Điều 164, 169 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Sầm Văn C, bà Bé Thị V được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 2209,9 m² nằm trong thửa đất số 906, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc, N2, T5 giáp các phần còn lại của thửa đất số 906, tờ bản đồ số 01; phía Đông giáp với thửa đất của ông Ma Văn T1 và bà Nông Thị T.

(Có sơ đồ vị trí thửa đất tranh chấp kèm theo).

Buộc gia đình ông Hoàng Văn L, bà Trương Thị R ngừng lấn chiếm đất của gia đình ông C, bà V.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu bồi thường thiệt hại về cây cối với số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) của nguyên đơn.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 24/9/2023, Bị đơn Hoàng Văn L, Nông Thị R1 có đơn kháng cáo không nhất trí đối với bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Hoàng Văn L, Trương Thị R cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp – bà Hà Thị C1 giữ nguyên đơn kháng cáo, không nhất trí với bản án sơ thẩm và cho rằng phần đất tranh chấp thuộc gia đình ông, đã đào hào và có ranh giới rõ ràng, có người làm chứng xác nhận cho quá trình quản lý sử dụng của mình. Do đó ông L – bà R yêu cầu được quản lý, sử dụng phần đất đang tranh chấp.

Nguyên đơn ông Sâm Văn C, bà Bé Thị V không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, nhất trí với bản án sơ thẩm và đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn K, bà Nông Thị T đều có ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn-bà Hà Thị C1 cho rằng Tòa án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị HĐXX xem xét hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Kháng cáo của ông Hoàng Văn L và Trương Thị R không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập và giao nộp chứng cứ, thẩm định, và hòa giải, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ thẩm...Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn luật định, thuộc trường hợp miễn án phí nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] *Xét nội dung đơn kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của bị đơn Hoàng Văn L Trương Thị R.*

Nội dung kháng cáo: Bị đơn Ông Hoàng Văn L, bà Trương Thị R không nhất trí với bản án sơ thẩm và cho rằng phần đất tranh chấp thuộc gia đình bị đơn, yêu cầu được quản lý sử dụng phần đất đang tranh chấp.

Quá trình nghiên cứu xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như qua phần trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa. HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

Thứ nhất, cả phía nguyên đơn và phía bị đơn đều cho rằng về nguồn gốc đất là của gia đình mình. Tại các giấy xác nhận có chứng thực mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thì những người làm chứng đều xác nhận mặc dù về thời gian không giống nhau nhưng đều khẳng định gia

đình ông C, bà V trực tiếp canh tác trên diện tích đất đang tranh chấp. Đối với những người làm chứng Nông Văn H, Nông Xuân T4, Lý Văn M, Trương Thị N mà phía bị đơn đề nghị Tòa án lấy lời khai thì có người làm chứng không xác định được nguồn gốc đất đang tranh chấp là của ai, có người xác nhận nguồn gốc đất là của gia đình ông L, bà R. Tuy nhiên, gia đình ông L, bà R không canh tác thường xuyên, liên tục và đã bỏ canh tác từ rất lâu, chỉ thỉnh thoảng lên phát cây cỏ, và có người làm chứng xác nhận có thấy gia đình ông C khoanh đất và lấy củi trên đất đang tranh chấp. Đối với lời khai của những người làm chứng, về nguồn gốc và quá trình sử dụng đều xác nhận cho cả phía nguyên đơn và bị đơn. Các lời khai này có giá trị ngang nhau nên phải xem xét dựa trên cơ sở phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác.

Thứ hai, Quá trình quản lý sử dụng trên phần đất tranh chấp thì nguyên đơn Sầm Văn C đã phát sinh tranh chấp với ông Ma Văn T1 bà Nông Thị T và trong quá trình Tòa án giải quyết thì ông L, bà R không có ý kiến gì. Nguyên đơn khai đã sử dụng đất từ năm 1970, sau đó xảy ra tranh chấp với ông Ma Văn T1, bà Nông Thị T đến năm 2021, sau khi giải quyết xong vụ việc tranh chấp đã đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa đất 906, tờ bản đồ số 01 (bao gồm diện tích đất tranh chấp). Lời khai này phù hợp với thực tế quá trình giải quyết vụ án tranh chấp giữa Ông Sầm Văn C và ông Ma Văn T1, xác định phía ông C, bà V đã có thỏa thuận về quyền quản lý sử dụng đất với ông Ma Văn T1, bà Nông Thị T đối với thửa số 844, tờ bản đồ số 01 tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 05/2021/QĐST-DS ngày 23/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Sau đó, ông C bà V làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đã được thỏa thuận thuộc quyền sử dụng của ông bà và phần diện tích này được tách thành thửa số 906, tờ bản đồ số 01, với diện tích 13.539,7 m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Sầm Văn C và bà Bé Thị V. Như vậy, phía nguyên đơn đã có tranh chấp với ông Ma Văn T1 từ năm 2013 cho đến năm 2021 mới giải quyết xong, suốt quá trình đó, gia đình ông L bà R không có ý kiến đối với diện tích đất hiện đang tranh chấp này; mặt khác, cũng không kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và khiếu nại đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sau khi gia đình nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Điều này mặc nhiên gia đình ông L, bà R tự từ bỏ quyền lợi của mình đối với phần diện tích đang tranh chấp này.

Thứ ba, tại Công văn số 245/VPĐKĐĐ ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Văn phòng Đ chi nhánh T6 về việc cung cấp thông tin hồ sơ tranh chấp của ông Sầm Văn C cho biết việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 906, tờ bản đồ số 01 là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích và nhận định trên, HĐX phúc thẩm thấy rằng Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà ông Sầm Văn C, bà Bé Thị V, buộc ông Hoàng Văn L và Trương Thị T lại quyền sử dụng đất tại thửa đất tranh chấp là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ mới bổ sung để bảo vệ cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận. Do đó cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Tuy nhiên bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí phúc thẩm, nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm, dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bác đơn kháng cáo của Ông Hoàng Văn L, bà Trương Thị R. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng về phần án phí.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Sầm Văn C, bà Bé Thị V được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 2209,9 m² nằm trong thửa đất số 906, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc, N2, T5 giáp các phần còn lại của thửa đất số 906, tờ bản đồ số 01; phía Đông giáp với thửa đất của ông Ma Văn T1 và bà Nông Thị T.

(Có sơ đồ vị trí thửa đất tranh chấp kèm theo).

Buộc gia đình ông Hoàng Văn L, bà Trương Thị R ngừng lấn chiếm đất của gia đình ông C, bà V.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu bồi thường thiệt hại về cây cối với số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) của nguyên đơn.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông L, bà R phải hoàn trả cho ông C, bà V 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Về án phí: Ông Hoàng Văn L và bà Trương Thị R được miễn án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- CCTHADS huyện Trùng Khánh;
- TAND huyện Trùng Khánh;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Toà DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Bế Chiến